TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59 /2018 / HNGĐ-ST
Ngày: 18 – 7 – 2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Công Hảo

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Long
2. Ông Nguyễn Đinh Cường

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Bảo, Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Mang Thít.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít : Không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 29/2018/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 02 năm 2018; Về việc: *" Xin ly hôn, nuôi con chung*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 02 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Quốc V trình bày:

Anh V khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị M. Về con chung sau khi ly hôn anh V yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Phương T, sinh ngày 05/3/2012 không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung không đặt ra, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Chứng cứ chứng minh anh V cung cấp cho Tòa án: Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh cháu Nguyễn Phương T, giấy xác nhận nơi sinh sống của chị M.

Nguyên nhân anh V ly hôn chị M:

- Anh Nguyễn Quốc V và chị Trần Thị M tổ chức lễ cưới năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 30/5/2011 sau khi kết hôn sống rất hạnh phúc. Năm 2015 vợ, chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẩn thường xuyên cãi nhau, mâu thuẩn ngày càng trầm trọng dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được và ly thân từ năm 2015 đến nay không đoàn tựu lại. Nay cảm thấy tình cảm vợ, chồng không thể hàn gắn lại được nên anh V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị M.

Con chung anh yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương T, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo cho bị đơn chị Trần Thị M biết về việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ của anh V cung cấp. Nhưng chị M không có văn bản trả lời. Tại phiên tòa ngày hôm nay chị Trần Thị M có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là " Ly hôn, nuôi con chung " theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Do bị đơn có địa chỉ nơi đăng ký thường trú tại ấp C, xã H, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết là đúng theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn và chị Trần Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng qui định theo Điều 227 bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 30 tháng 5 năm 2011 anh V, chị M kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh ,chị là hợp pháp. Xét mâu thuẩn trong đời sống hàng ngày giữa vợ, chồng anh V và hiện nay đã ly thân không đoàn tựu lại là có thật. Anh V yêu cầu ly hôn với chị M là có căn cứ và phù hợp với Điều 51 và Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Từ khi ly thân cho đến nay con chung cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 05/3/2012 sống chung với anh V. Xét, nên chấp nhận giao con chung cháu T cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn nộp án phí theo quy định tại Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho nguyên đơn Nguyễn Quốc V được ly hôn với bị đơn Trần Thị M.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phương T, sinh ngày 05/ 3/ 2012 cho nguyên đơn anh Nguyễn Quốc V trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bị đơn có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên miễn xét.

4.Về an phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Quốc V nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số $N^0$0006290, ngày 12/02/2018, nguyên đơn không phải nộp thêm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 , Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn Trần Thị M vắng mặt tại phiên tòa báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện MT 01b;
- THA DS huyện MT 01b;
- Phòng KTNV & THA TAT 01b;
- UBND xã H 01b;
- Các đương sự 02bản ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Công Hảo

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
Vào hồi 09 giờ 30 phút, ngày 18 tháng 7 năm 2018.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Công Hảo.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Thanh
Ông Nguyễn Đinh Cường

Tiến hành nghị án án thụ lý số: 29/2018/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 02 năm 2018; Về việc: *" Xin ly hôn, nuôi con chung "*, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật[8].

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

+ Ý kiến của ông Huỳnh Văn Thanh:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là " Ly hôn, nuôi con chung " theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Do bị đơn có địa chỉ nơi đăng ký thường trú tại ấp Vườn Cò, xã Hòa Tịnh, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết là đúng theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn và chị Trần Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng qui định theo Điều 227 bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 30 tháng 5 năm 2011 anh V, chị M kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Tịnh, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh ,chị là hợp pháp. Xét mâu thuẫn trong đời sống hàng ngày giữa vợ, chồng anh V và hiện nay đã ly thân không đoàn tựu lại là có thật. Anh V yêu cầu ly hôn với chị M là có căn cứ và phù hợp với Điều 51 và Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Từ khi ly thân cho đến nay con chung cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 05/3/2012 sống chung với anh V. Xét, nên chấp nhận giao con chung cháu T cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Vế án phí sơ thẩm: Nguyên đơn nộp án phí theo quy định tại Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án.

Ý kiến của ông Nguyễn Đinh Cường: Thống nhất ý kiến của ông Nguyễn Văn Phẩm, ông Cường không có ý kiến khác.

Ý kiến chủ Tọa ông Huỳnh Công Hảo thống nhất ý kiến 02 vị hội thẩm và bổ sung thêm quyền kháng cáo của các đương sự.

Cuối cùng hội đồng xét xử với tỷ lệ thống nhất 3/3 (tỷ lệ 100%) về các vấn đề sau:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho nguyên đơn Nguyễn Quốc V được ly hôn với bị đơn Trần Thị M.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phương T, sinh ngày 05/ 3/ 2012 cho nguyên đơn anh Nguyễn Quốc V trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bị đơn có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên miễn xét.

4.Về an phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Quốc V nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số $N^0$0006290, ngày 12/02/2018, nguyên đơn không phải nộp thêm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 , Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn Trần Thị M vắng mặt tại phiên tòa báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nghị án kết thúc vào lúc 09 giờ 25 phút ngày 18 tháng 7 năm 2018. Có đọc lại cho tất cả cùng nghe và đồng ý ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**